

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC**

☪ ☪

## **ĐIỀU LỆ**

# **TỔ CHỨC – HOẠT ĐỘNG**

# **CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HỮU NGHỊ**

**NGÀY 27 THÁNG 04 NĂM 2014**

**TRỤ SỞ CHÍNH: 636 – 638 NGUYỄN DUY, QUẬN 8,  
TP. HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC**

☪ ☪



## **ĐIỀU LỆ**

# **TỔ CHỨC – HOẠT ĐỘNG**

# **CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HỮU NGHỊ**

**NGÀY 27 THÁNG 04 NĂM 2014**

**TRỤ SỞ CHÍNH: 636 – 638 NGUYỄN DUY, QUẬN 8,  
TP. HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

\*\*\*

## **ĐIỀU LỆ**

### **TỔ CHỨC – HOẠT ĐỘNG**

#### **CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HỮU NGHỊ**

Căn cứ:

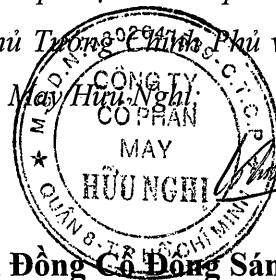
- *Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 đã được Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2006;*
- *Nghị định số 44/1998/NĐ-CP ngày 29 tháng 06 năm 1998 của Chính Phủ về việc chuyển Doanh Nghiệp nhà nước thành Công ty Cổ phần và các văn bản Pháp Luật có liên quan;*
- *Quyết định số 211/QĐ-TTg ngày 21 tháng 03 năm 2002 của Thủ Tướng Chính Phủ về việc chuyển Công Ty May & In Hữu Nghị thành Công ty Cổ phần May Hữu Nghị*

Trên cơ sở:

**ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HỮU NGHỊ do Đại Hội Đồng Cổ Đông Sáng Lập thông qua ngày 27 tháng 04 năm 2014;**

Chúng tôi, những **Cổ Đông** tham dự **Đại Hội Đồng Cổ Đông** thường niên năm 2014 **Công ty Cổ Phần May Hữu Nghị**, đã thảo luận và nhất trí thông qua nội dung của bản Điều lệ sửa đổi và cùng cam kết thực hiện đúng những qui định trong bản Điều lệ này. Điều lệ công ty, Luật Doanh Nghiệp, là cơ sở pháp lý cho toàn bộ tổ chức, hoạt động của Công ty Cổ Phần May Hữu Nghị.

**Điều lệ tổ chức, hoạt động Công Ty Cổ Phần May Hữu Nghị gồm 08 Chương, 57 Điều ghi dưới đây:**

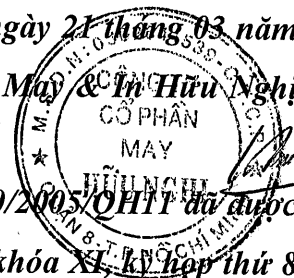


**Chương I**  
**ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

☪ ☪

**ĐIỀU 1 : TÊN CÔNG TY VÀ HÌNH THỨC**

1. **Tên Công ty:** “CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HỮU NGHỊ”
  - Tên giao dịch đối ngoại (Bằng Tiếng Anh):  
“ HUU NGHI GARMENT JOINT – STOCK COMPANY”
  - Tên giao dịch đối ngoại viết tắt: “HUGAMEX”
2. **Hình thức:** Công Ty Cổ Phần May Hữu Nghị (Sau đây gọi tắt là Công ty) là Doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyên từ Doanh Nghiệp Nhà Nước thành Công Ty Cổ Phần theo *Quyết định số 211/QĐ-TTg ngày 21 tháng 03 năm 2002 của Thủ tướng Chính Phủ về việc chuyển Công Ty May & In Hữu Nghị thành Công ty Cổ Phần May Hữu Nghị;*
  - Được tổ chức và hoạt động theo *Luật Doanh Nghiệp số 60/2005/QH11 đã được Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2006.*



**ĐIỀU 2: TRỤ SỞ CÔNG TY**

**2.1 Trụ sở chính** của Công Ty Cổ Phần May Hữu Nghị:

Số 636 – 638 đường Nguyễn Duy, Phường 12, Quận 8, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 3855.4176 – 3855.3415 – 3855.5411

Fax: 08.3855.3476

E-mail : [info@hugamex.com.vn](mailto:info@hugamex.com.vn)

Website: [www.hugamex.com.vn](http://www.hugamex.com.vn)

**2.2** Khi cần thiết, công ty sẽ mở thêm các chi nhánh, văn phòng đại diện ở các nơi khác để phục vụ mục tiêu sản xuất kinh doanh của công ty.

### **ĐIỀU 3 : TƯ CÁCH PHÁP NHÂN**

#### **CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HỮU NGHỊ:**

- a) Có tư cách pháp nhân đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam.
- b) Có con dấu riêng, độc lập về tài sản, được mở tài khoản tại kho bạc nhà nước các ngân hàng trong và ngoài nước theo quy định của Pháp luật.
- c) Có Điều lệ tổ chức, hoạt động công ty.
- d) Chịu trách nhiệm tài chính hữu hạn đối với các khoản nợ trong phạm vi vốn điều lệ.
- e) Chịu trách nhiệm về kết quả sản xuất kinh doanh của công ty, được hạch toán độc lập và tự chủ về tài chính.
- f) Có bảng cân đối kế toán riêng, được lập các quỹ theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị Quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

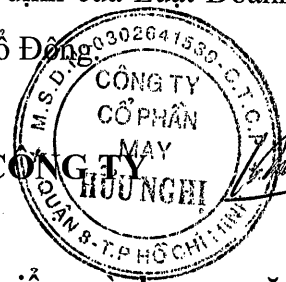
### **ĐIỀU 4 : MỤC TIÊU – LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

#### **1. Mục tiêu:**

**Công ty được thành lập để sản xuất – kinh doanh, phát triển ngành may mặc và hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại và các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật; thực hiện tốt các mục tiêu kinh tế xã hội, tạo việc làm ổn định cho người lao động, bảo đảm cổ tức cho các cổ đông, đóng góp tích cực vào Ngân Sách Nhà Nước và phát triển công ty.**

#### **2. Ngành, nghề kinh doanh của công ty:**

- Sản xuất các sản phẩm ngành may.
- Dịch vụ liên quan đến in.
- Kinh doanh các sản phẩm ngành may.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu hoặc đi thuê.
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, nguyên phụ liệu ngành may.
- Xây dựng nhà các loại.
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.
- Kinh doanh những ngành nghề khác theo qui định pháp luật không cấm.



### **3. Sản phẩm chính:**

- Áo Jacket,
- Áo sơ mi.
- Quần tây.
- Quần áo đồng phục, thể thao, và các sản phẩm may khác.

### **ĐIỀU 5 : THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG**

Công Ty Cổ Phần May Hữu Nghị hoạt động kể từ ngày ghi trong quyết định chuyển từ Doanh Nghiệp Nhà Nước thành Công Ty Cổ Phần của cấp có thẩm quyền và không xác định thời hạn kết thúc. Việc tổ chức lại, Giải thể và phá sản công ty do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định và thực hiện đúng theo các điều khoản quy định của điều lệ này và Điều 104 của Luật Doanh Nghiệp.

### **ĐIỀU 6: NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC VÀ QUẢN TRỊ , ĐIỀU HÀNH CỦA CÔNG TY**

- Công ty hoạt động trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật.
- Cơ quan quyết định cao nhất của công ty là Đại Hội Đồng Cổ Đông.
- Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu Hội Đồng Quản Trị (HDQT) để quản lý Công ty và bầu Ban Kiểm Soát để giám sát, kiểm tra hoạt động kinh doanh, quản trị Công ty theo Điều lệ và pháp luật.
- Trực tiếp điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là Tổng Giám Đốc do HDQT bổ nhiệm.



### **ĐIỀU 7 : TỔ CHỨC ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ KHÁC**

Các tổ chức: Đảng Cộng Sản Việt Nam, Công Đoàn (thuộc Tổng Liên Đoàn Lao Động Việt Nam), Đoàn Thanh Niên Cộng Sản Hồ Chí Minh, hoạt động theo Hiến Pháp, Pháp luật của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và Điều lệ của tổ chức đó.

Công Ty Cổ Phần May Hữu Nghị tôn trọng và tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức trên hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, Điều lệ của mình và phù hợp với tình hình thực tế SX-KD và phát triển công ty.

## **CHƯƠNG II**

### **QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY**

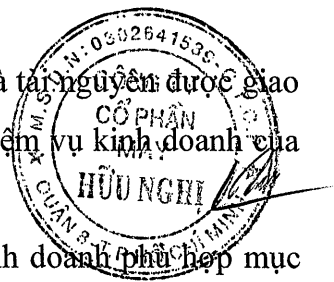
☪ ☪

#### **Mục 1**

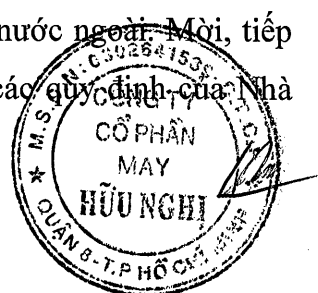
### **QUYỀN HẠN CỦA CÔNG TY**

#### **ĐIỀU 8: QUYỀN TỰ CHỦ QUẢN LÝ SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY**

1. Công ty có quyền quản lý, sử dụng vốn cổ đông, đất đai và tài nguyên được giao sử dụng và các nguồn lực khác để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ kinh doanh của công ty.
2. Tổ chức bộ máy quản lý, tổ chức các đơn vị sản xuất kinh doanh phù hợp mục tiêu, nhiệm vụ của Công ty, phân chia và điều chỉnh nguồn lực giữa các đơn vị trực thuộc đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh.
3. Đổi mới công nghệ, trang thiết bị phù hợp với yêu cầu phát triển và hiệu quả kinh doanh của công ty.
4. Đặt chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty ở trong nước, ở nước ngoài theo quy định của Nhà Nước.
5. Kinh doanh những ngành nghề khác theo qui định của pháp luật.
6. Tìm kiếm thị trường, trực tiếp giao dịch và ký kết hợp đồng với khách hàng trong và ngoài nước, được trực tiếp xuất nhập khẩu theo yêu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty và phù hợp với quy định hiện hành của Pháp luật.
7. Quyết định giá mua, giá bán vật tư, nguyên liệu, sản phẩm và dịch vụ (trừ những sản phẩm và dịch vụ do nhà nước định giá).



8. Được quyền bảo hộ về quyền sở hữu công nghiệp, bao gồm: các sáng chế, giải pháp hữu ích, nhãn hiệu hàng hóa, kiểu dáng công nghiệp, tên gọi xuất xứ hàng hóa theo quy định của Pháp luật Việt Nam.
9. Đầu tư, liên doanh, liên kết, góp vốn cổ phần, mua một phần hoặc toàn bộ tài sản của doanh nghiệp khác theo quy định của Pháp luật với mục đích phát triển sản xuất, kinh doanh.
10. Tuyển chọn, thuê mướn, bố trí sử dụng, đào tạo lao động, lựa chọn các hình thức trả lương, thưởng, quyết định mức lương trên cơ sở công hiến và hiệu quả sản xuất kinh doanh và có các quyền khác của người sử dụng lao động theo quy định của Bộ Luật Lao Động và các quy định khác của Pháp Luật.
11. Cử cán bộ, nhân viên của Công ty đi công tác, học tập ở nước ngoài, tiếp khách nước ngoài phù hợp theo yêu cầu của công ty và các quy định của Nhà Nước.
12. Có các quyền khác do pháp luật quy định.



## **ĐIỀU 9: QUYỀN QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY**

1. Sử dụng vốn và các quỹ của Công ty để phục vụ các nhu cầu trong kinh doanh theo nguyên tắc bảo toàn và phát triển vốn.
2. Nhượng, bán hoặc cho thuê những tài sản không dùng và chưa dùng hết công suất.
3. Phát hành, chuyển nhượng, mua, bán cổ phiếu, trái phiếu theo quy định của Pháp luật. Được thế chấp giá trị quyền sử dụng đất gắn liền với tài sản thuộc quyền quản lý của Công ty tại các Ngân hàng Việt Nam để vay vốn kinh doanh theo quy định của Pháp luật.
4. Quyết định sử dụng và phân phối phần lợi nhuận còn lại cho các cổ đông sau khi đã làm đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước, lập và sử dụng các quỹ theo quy định của Nhà nước và Nghị Quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

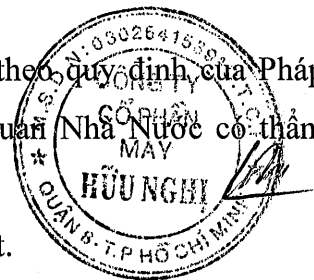


## Mục 2

### NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

#### **ĐIỀU 10: NGHĨA VỤ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG SXKD CỦA CÔNG TY**

1. Đăng ký kinh doanh và kinh doanh đúng ngành nghề đã đăng ký, chịu trách nhiệm trước cổ đông về kết quả kinh doanh, chịu trách nhiệm trước khách hàng và trước Pháp luật về sản phẩm và dịch vụ do Công ty thực hiện.
2. Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Công ty và nhu cầu thị trường.
3. Ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế đã ký với đối tác.
4. Thực hiện các nghĩa vụ đối với người lao động theo quy định của Bộ Luật Lao Động, bảo đảm cho người lao động tham gia quản lý Công ty bằng Thỏa ước lao động tập thể và quy chế khác.
5. Thực hiện các quy định của Nhà nước về bảo vệ tài nguyên, môi trường, an ninh quốc gia và công tác phòng cháy chữa cháy.
6. Thực hiện chế độ báo cáo thống kê, kế toán, báo cáo định kỳ theo quy định của Nhà Nước và báo cáo bất thường theo yêu cầu của Đại Hội Đồng Cổ Đông và chịu trách nhiệm về tính xác thực của các báo cáo.
7. Chịu sự kiểm tra của các cơ quan quản lý Nhà Nước theo quy định của Pháp luật. Tuân thủ các quy định về thanh tra của các cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền.
8. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.



#### **ĐIỀU 11 : NGHĨA VỤ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY**

1. Thực hiện đúng chế độ và các quy định về quản lý vốn, tài sản, các quỹ, hạch toán, kế toán – thống kê, chế độ kiểm toán và các chế độ khác do Pháp luật quy định, chịu trách nhiệm về tính xác thực của các báo cáo tài chính của Công ty.
2. Bảo toàn và phát triển vốn.
3. Thực hiện các khoản phải thu và các khoản phải trả ghi trong bảng cân đối của Công ty tại thời điểm thành lập.

4. Công bố công khai các thông tin và báo cáo tài chính hàng năm, đánh giá đúng đắn và khách quan về hoạt động của Công ty.
5. Thực hiện các nghĩa vụ nộp thuế và các khoản nộp ngân sách Nhà Nước theo quy định của Pháp luật.
6. Công ty chịu trách nhiệm vật chất đối với khách hàng trong phạm vi vốn điều lệ của Công ty.

### *Chương III*

## **VỐN – CỔ PHẦN – CỔ PHIẾU – CỔ ĐÔNG**

☪ ☪

### **Mục 1**

### **VỐN**

#### **ĐIỀU 12 : VỐN ĐIỀU LỆ**

1. **Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm thành lập được xác định là:**  
**18.836.000.000 VNĐ** (Bằng chữ: Mười tám tỷ tám trăm ba mươi sáu triệu đồng chẵn)  
- Trong đó: Vốn thuộc sở hữu Nhà Nước: **5.650.800.000 VNĐ** (Năm tỷ, sáu trăm năm mươi triệu, tám trăm ngàn đồng chẵn), **chiếm 30% vốn điều lệ.**
2. **Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm thông qua Điều lệ này được xác định là:**  
**62.678.000.000 VNĐ** (Bằng chữ: Sáu mươi hai tỷ sáu trăm bảy mươi tám triệu đồng).
  - 2.1 **Cơ cấu Vốn điều lệ Công ty từ thời điểm thông qua Điều lệ này được xác định là:**
    - a. **Vốn của cổ đông là CB – CNV trong công ty là : 65%**
    - b. **Vốn của cổ đông ngoài công ty : 35%**
  - 2.2 **Vốn điều lệ Công ty có thể được điều chỉnh theo từng thời kỳ để đáp ứng yêu cầu SX-KD của công ty và đảm bảo quyền lợi cổ đông. Khi vốn điều lệ được bổ sung tăng lên bằng cách phát hành cổ phiếu mới, hoặc giảm xuống đều do ĐHCĐ quyết định và cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp nhận.**



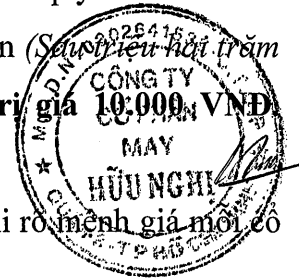
- 2.3 Thủ tục xác nhận vốn điều lệ được thực hiện tại Phòng công chứng nhà nước, nơi công ty đặt trụ sở chính.
3. Vốn điều lệ chỉ được sử dụng cho hoạt động kinh doanh, không sử dụng chia cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào khác.

## Mục 2

### CỔ PHẦN – CỔ PHIẾU

#### ĐIỀU 13 : CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU

- Vốn điều lệ của Công ty được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần. Giấy chứng nhận quyền sở hữu cổ phần do Công ty phát hành được gọi là cổ phiếu. Số tiền ghi trên cổ phiếu là giá trị cổ phiếu.**
- Cổ phần của Công ty Cổ Phần May Hữu Nghị là cổ phần phổ thông và không có cổ phần ưu đãi. Người sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty gọi là cổ đông phổ thông. Mỗi cổ đông phổ thông có một phiếu biểu quyết.**
- Vốn điều lệ của Công ty được chia thành 6.267.800 cổ phần (Sáu triệu hai trăm sáu mươi bảy nghìn tám trăm cổ phần), mỗi cổ phần trị giá 10.000 VNĐ (Mười nghìn đồng)**  
**Cổ phiếu do Công ty cổ phần May Hữu Nghị phát hành, ghi rõ mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần trên cổ phiếu.**  
**Mệnh giá của một cổ phiếu bằng 10.000 VNĐ. Các cổ phần có giá trị ngang nhau về mọi mặt.**



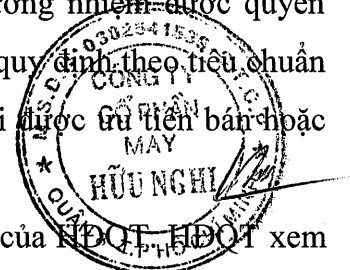
#### ĐIỀU 14 : HÌNH THỨC CỔ PHIẾU – TRÁI PHIẾU.

- Cổ phiếu của Công ty được phát hành theo mẫu thống nhất của Bộ Tài Chính Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.**
- Mọi cổ phiếu phải có chữ ký của Chủ Tịch HĐQT và được đóng dấu Công ty.**
- Công ty Cổ Phần May Hữu Nghị phát hành cổ phiếu**

- Mỗi cổ phiếu ghi danh phải ghi rõ tên, địa chỉ của pháp nhân hay cá nhân sở hữu, được đóng dấu của Công ty cổ phần May hữu Nghị, ghi rõ số cổ phiếu, loại cổ phần, số tiền đóng góp và mã cổ đông.
  - Việc chuyển nhượng cổ phiếu ghi danh phải tuân theo các quy định tại **Điều 15** của bản Điều lệ này và các quy định khác của Pháp luật.
4. Nếu cổ phiếu mờ, rách, hư hỏng hay bị mất có thể xin đổi cổ phiếu mới nếu trình đủ chứng cứ theo yêu cầu của HĐQT và cổ đông sở hữu cổ phiếu đó phải chịu mọi phí tổn.
  5. **Trái phiếu:** Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của Pháp luật.  
Nội dung phát hành trái phiếu theo **Điều 88 Luật Doanh nghiệp**.

### **ĐIỀU 15 : CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN**

1. Cổ phần của Công ty được chuyển nhượng, thừa kế theo các quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty. Cổ đông muốn mua bán, chuyển nhượng cổ phần phải đăng ký, tại trụ sở Công ty (nơi phát hành cổ phiếu).
2. Cổ phần của các thành viên HĐQT trong thời gian đương nhiệm được quyền chuyển nhượng số cổ phần sở hữu cá nhân ngoài số 5% quy định theo tiêu chuẩn ứng cử vào HĐQT theo Luật doanh nghiệp, nhưng phải được ưu tiên bán hoặc chuyển nhượng trong HĐQT và trong nội bộ công ty.
3. Việc chuyển nhượng cổ phiếu phải được sự chấp thuận của HĐQT. HĐQT xem xét, xử lý việc chuyển nhượng trong thời gian 30 ngày, kể từ ngày nhận được đơn của các cổ đông xin chuyển nhượng cổ phần. Trong trường hợp không chấp thuận cho chuyển nhượng cổ phần, HĐQT thông báo rõ lý do cho các cổ đông đề nghị chuyển nhượng.
4. Cổ đông của Công ty được quyền dùng cổ phiếu của mình vào việc *thế chấp Ngân Hàng để vay tiền mua cổ phần* của Công ty nhưng không được chuyển nhượng cho bên vay (ngân hàng) mà phải chuyển nhượng cho công ty.  
Cổ đông được quyền chuyển nhượng cổ phần theo giá thoả thuận, theo định hướng công ty, với tỷ lệ 65% trong nội bộ CB-CNV, 35% bên ngoài.



5. Các trường hợp mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông, mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty và các thủ tục thực hiện theo quy định tại **Điều 90, 91** của **Luật Doanh nghiệp**.

## **ĐIỀU 16 : KẾ THỪA CỔ PHẦN**

1. Trường hợp cổ đông qua đời, Công ty công nhận những người sau đây có quyền sở hữu một phần hoặc toàn bộ cổ phần của người đã mất :
  - Người thừa kế duy nhất theo Luật định.
  - Trường hợp có nhiều người cùng thừa kế theo Pháp luật thì họ phải cử đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục ủy quyền có công chứng. Công ty không giải quyết các trường hợp tranh chấp giữa người thừa kế theo Pháp luật.
2. Người có quyền sở hữu hoặc thừa kế hợp pháp, đăng ký làm chủ sở hữu các cổ phần được thừa kế, trở thành cổ đông mới và được hưởng mọi quyền lợi, nghĩa vụ của cổ đông mà họ kế quyền. Người kế quyền chỉ được đảm nhận các chức vụ tiếp theo, sau khi đã tuân thủ các quy định của Điều lệ này.

Trường hợp thừa kế số cổ phần của người lao động trong Doanh Nghiệp được mua theo giá ưu đãi trả dần thì người được thừa kế phải chịu trách nhiệm về việc trả dần (nếu còn).

Người có cổ phần mua theo giá ưu đãi trả dần qua đời mà không có người thừa kế thì cổ phần đó được thu hồi và hoàn trả cho Nhà Nước.



## **ĐIỀU 17 : PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU – TRÁI PHIẾU**

1. Việc phát hành thêm cổ phiếu, trái phiếu phải được Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định.
2. Cổ phiếu, trái phiếu phát hành thêm phải ghi đầy đủ các nội dung theo quy định của Nhà nước và phải được đăng ký vào sổ đăng ký cổ đông.

## **Mục 3**

### **CỔ ĐÔNG**

#### **ĐIỀU 18: QUY ĐỊNH CHUNG VỀ CỔ ĐÔNG**

1. Cổ đông của Công ty cổ phần May Hữu Nghị là những pháp nhân hoặc cá nhân sở hữu một hoặc nhiều cổ phần của Công ty. Các cổ đông của Công ty cổ phần May Hữu Nghị là cổ đông phổ thông và có thể có cổ đông ưu đãi (khi công ty phát hành cổ phiếu ưu đãi)
2. Cổ đông được công nhận chính thức khi đã đóng đủ tiền mua cổ phần, cổ đông thuộc diện lao động nghèo và được ghi tên vào sổ đăng ký cổ đông lưu giữ tại Công ty.
3. Người đại diện sở hữu cổ phần của cổ đông tại Công ty:
  - 3.1 Người đại diện sở hữu cổ phần của cổ đông là pháp nhân:
    - Người đại diện phần vốn của Nhà nước tại Công ty cổ phần May Hữu Nghị do Tập Đoàn Dệt May Việt Nam (Vinatex) cử.
    - Đối với các pháp nhân khác, người đại diện cổ đông tại Công ty cổ phần là người đại diện theo pháp luật của pháp nhân khác.
  - 3.2 Người đại diện nêu ở điểm 3.1, khoản 3, Điều này có thể ủy quyền cho người có đủ năng lực Pháp luật và năng lực hành vi thuộc pháp nhân đó làm đại diện tại Công ty. Những người được ủy quyền làm đại diện cho pháp nhân tại Công ty không được ủy quyền cho người khác.
  - 3.3 Cổ đông là cá nhân có thể ủy quyền cho người khác là cổ đông của Công ty có đủ năng lực Pháp luật và năng lực hành vi làm đại diện cho mình tại Công ty cổ phần.
  - 3.4 Việc ủy quyền như trên phải được thực hiện bằng văn bản. Cổ đông muốn thay đổi người đại diện phải có văn bản gửi HĐQT của công ty cổ phần.
  - 3.5 Trong trường hợp một cổ đông pháp nhân mới được sáp nhập, hợp nhất từ cổ đông cũ hoặc thừa kế quyền và nghĩa vụ của pháp nhân cũ, thì cổ đông pháp nhân mới này gửi cho HĐQT các văn bản có giá trị pháp lý về việc sáp nhập, hợp nhất hoặc kế thừa để HĐQT xử lý về cổ đông, cổ phiếu, cổ phần



và người đại diện theo Pháp luật hiện hành. Trường hợp cổ đông pháp nhân giải thể thì cổ phần của cổ đông này phải được chuyển nhượng cho pháp nhân hoặc cá nhân khác.

## ĐIỀU 19: QUYỀN LỢI CỦA CỔ ĐÔNG

1. Được chia cổ tức tương ứng với phần vốn góp, với mức được chia theo quyết định của ĐHĐCD.
2. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần sở hữu.
3. Được mua bán chuyển nhượng và thừa kế cổ phần theo Điều lệ Công ty và phù hợp với Luật pháp.
4. **Cổ đông là cá nhân sở hữu từ 5% (năm phần trăm) vốn điều lệ trở lên thì có quyền ứng cử vào thành viên HĐQT.**
5. **Cổ đông là đại diện pháp nhân, hoặc cá nhân đại diện sở hữu từ 2,5% vốn điều lệ (trong đó cá nhân phải sở hữu ít nhất 1,5% vốn điều lệ) hoặc cá nhân sở hữu từ 2% vốn điều lệ trở lên thì có quyền ứng cử vào chức danh thành viên Ban Kiểm Soát của Công ty.**
6. **Cổ đông là cá nhân sở hữu cổ phần đến ngày chốt danh sách có quyền tham dự tham dự Đại Hội Đồng Cổ Đông và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông, được quyền biểu quyết tương ứng với phần vốn góp, được quyền phê bình, chất vấn, kiến nghị về công việc của HĐQT, thành viên Ban Kiểm Soát và Tổng Giám Đốc về hoạt động của Công ty.**
7. **Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu 10% (mười phần trăm) số cổ phần trong trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng được ủy quyền yêu cầu triệu tập Đại Hội Đồng cổ đông bất thường khi :**
  - Có bằng chứng cụ thể về vi phạm nghiêm trọng trong hoạt động tài chính của Công ty; có ảnh hưởng lớn hoặc gây thiệt hại đến 50% giá trị tài sản của công ty.
  - Có bằng chứng về tham nhũng hoặc cố ý gây thiệt hại cho công ty của Ban Tổng Giám Đốc, HĐQT, Ban kiểm soát.



8. Được xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp điều lệ của Công ty, sổ Biên bản họp ĐHĐCĐ và các kiến nghị của ĐHĐCĐ.
9. Được chia tài sản còn lại (nếu có) khi công ty giải thể, hoặc phá sản theo tỷ lệ tương ứng với số vốn góp.
10. Được ủy quyền bằng văn bản cho người khác là cổ đông của công ty tham dự Đại Hội Đồng Cổ Đông.

## **ĐIỀU 20: TRÁCH NHIỆM VÀ NGHĨA VỤ CỔ ĐÔNG**

1. Góp đủ vốn cổ phần đã đăng ký.
2. Chấp hành Điều lệ của Công ty.
3. Thực hiện nghiêm chỉnh các Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông. Giám sát và góp ý kiến về hoạt động của HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng Giám Đốc công ty.
4. Chịu trách nhiệm về số lỗ của Công ty tương ứng với số cổ phần của mình sở hữu và chịu trách nhiệm về những khoản nợ của Công ty trong phạm vi số cổ phần của mình.
5. Không được rút cổ phần dưới bất cứ hình thức nào, trừ trường hợp công ty giải thể.
6. Bảo vệ uy tín, lợi ích, tài sản và giữ bí mật về các hoạt động của công ty.



## **CHƯƠNG IV**

### **TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT**

☪ ☪

#### **Mục 1**

### **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

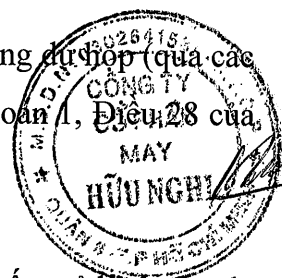


## **ĐIỀU 21: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

1. Đại Hội Đồng Cổ Đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty, gồm: Đại Hội Đồng Cổ Đông thành lập, Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên và Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường.
2. Đại Hội Đồng Cổ Đông phải có đủ số lượng cổ đông tham gia tối thiểu quy định tại các điểm 1.1, 1.2, khoản 1, Điều 28 của bản Điều lệ này.
3. Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua theo điều 30 Điều lệ này.

## **ĐIỀU 22: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN**

1. Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên mỗi năm họp 1 lần do Chủ Tịch HĐQT triệu tập trong thời hạn bốn tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của HĐQT, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên là họp lệ nếu có số cổ đông dự họp (qua các lần triệu tập) đầy đủ theo quy định tại điểm 1.1, 1.2, thuộc khoản 1, Điều 28 của bản Điều lệ này.
3. Quyền và nhiệm vụ của Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên:
  - 3.1 Thông qua báo cáo của HĐQT về tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh, báo cáo của Ban kiểm soát.
  - 3.2 Thông qua báo cáo tài chính hàng năm, thông qua quy chế, phương án phân phối sử dụng lợi nhuận và trích lập, sử dụng các quỹ, quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại, quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần.
  - 3.3 Thông qua định hướng phát triển của Công ty, phương hướng, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư năm tài chính mới, quyết định bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán Công ty, quyết định mua lại không quá 30% tổng số cổ phần đã bán mỗi loại.
  - 3.4 Quyết định việc tăng giảm vốn điều lệ, gọi vốn cổ phần và phát hành cổ phiếu.



- 3.5 Xem xét các trường hợp sai phạm và quyết định bãi nhiệm đối với thành viên HĐQT và Ban kiểm soát.
- 3.6 Bầu thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát nếu hết nhiệm kỳ hoặc bầu bổ sung, thay thế thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Điều lệ.
- 3.7 Thông qua mức thù lao và quyền lợi của HĐQT và Ban kiểm soát theo đề nghị của HĐQT.
- 3.8 Thông qua Điều lệ bổ sung, sửa đổi (*Khi xét thấy cần thiết*)
- 3.9 Quyết định tổ chức lại hay giải thể Công ty.
- 3.10 Quyết định các vấn đề khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty

### **ĐIỀU 23: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG**

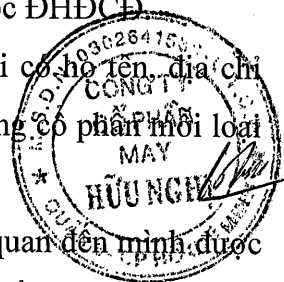
1. HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau đây:
  - a) HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty.
  - b) Số thành viên HĐQT còn lại bị giảm quá 1/3 so với số quy định tại Điều lệ công ty.
  - c) Theo yêu cầu bằng văn bản của:
    - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 7 Điều 19 của Điều lệ này.
    - Ban kiểm soát.
2. HĐQT phải triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu quy định tại khoản 1, điều này. Trường hợp HĐQT không triệu tập thì Ban kiểm soát thay thế, trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập thì nhóm cổ đông quy định tại khoản 7 Điều 19 của Điều lệ này thay thế. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường nêu tại điều này sẽ được Công ty hoàn trả lại.
3. Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường là hợp lệ nếu có số cổ đông dự họp (*qua các lần triệu tập*) đầy đủ theo quy định tại điểm 1.1, 1.2, khoản 1 Điều 28, của bản Điều lệ này.
4. Quyền và nhiệm vụ của Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường:



- a) Nghị quyết xử lý các vấn đề bất thường.
- b) Bãi miễn và bầu bổ sung, thay thế thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát vi phạm Điều lệ này gây thiệt hại cho Công ty.
- c) Biểu quyết sửa đổi, bổ sung Điều lệ.
- d) Xử lý các vấn đề khẩn cấp khác.

## **ĐIỀU 24: DANH SÁCH CỔ ĐÔNG CÓ QUYỀN DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được lập khi có quyết định triệu tập và phải lập xong chậm nhất 10 ngày trước khi khai mạc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Cổ đông sở hữu hoặc đại diện quyền sở hữu theo khoản 6, Điều 19 của Bản Điều lệ này có quyền tham dự trực tiếp ĐHĐCĐ, thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc ĐHĐCĐ.
2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Cổ Đông phải có họ tên, địa chỉ thường trú đối với cá nhân, tên trụ sở đối với tổ chức, số lượng cổ phần mỗi loại mà mình sở hữu hoặc được ủy quyền đại diện.
3. Mỗi cổ đông đều có quyền được cung cấp các thông tin liên quan đến mình được ghi trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.
4. Cổ đông có quyền yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.
5. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày thành lập xong danh sách cổ đông đến kỳ khai mạc cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại Hội Cổ Đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng và phải thông báo đến ban tổ chức ĐHĐCĐ ít nhất 10 ngày trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ.




## ĐIỀU 25: CHƯƠNG TRÌNH VÀ NỘI DUNG HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải chuẩn bị chương trình và nội dung họp.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 7, Điều 19 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất 04 ngày trước ngày khai mạc Đại hội. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
3. Người triệu tập Đại Hội Đồng Cổ Đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 02, Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:
  - 3.1 Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung.
  - 3.2 Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông
  - 3.3 Những trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.



## ĐIỀU 26: ĐIỀU KIỆN, THỂ THỨC TRIỆU TẬP VÀ TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Người triệu tập Đại Hội Đồng Cổ Đông phải gửi giấy mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 07 ngày trước ngày khai mạc, đồng thời thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng. Kèm theo giấy mời họp phải có chương trình họp, các tài liệu thảo luận làm cơ sở để thông qua quyết định.
  - 1.1 Cuộc họp của Đại Hội Đồng Cổ Đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 65% số cổ phần có quyền biểu quyết (*triệu tập lần thứ 1*).
  - 1.2 Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm 1.1, khoản 1, Điều này thì được triệu tập họp lần thứ 2 trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc và cuộc họp được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Các cổ đông sở hữu hoặc đại diện sở hữu tối thiểu vốn điều lệ theo khoản 6, điều 19 được quyền tham gia vào chương trình nghị sự, tham gia Đại hội.
  - 2.1 Chỉ có Đại Hội Đồng Cổ Đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 100 của Luật doanh nghiệp.
  - 2.2 Chương trình họp chỉ được thay đổi khi được 2/3 số cổ đông có quyền biểu quyết tham gia tại đại hội chấp thuận.
  - 2.3 Các cổ đông không đủ số cổ phần cần thiết phải tự nhóm lại để cử đại diện tham gia Đại hội.
3. Những cổ đông không đến dự Đại hội thì được phép ủy quyền cho người đại diện theo quy định của Điều lệ này.
4. Ban Tổ Chức Đại hội có nhiệm vụ kiểm tra xác nhận tư cách của cổ đông hoặc người đại diện tham dự Đại hội, lập danh sách hiện diện (ghi số cổ phần sở hữu cổ phần đại diện).
5. Chủ Toạ Đại hội:
  - 5.1 Đại hội thường niên hoặc Đại hội bất thường do Chủ Tịch HĐQT làm chủ toạ, nếu Chủ Tịch HĐQT vắng mặt có thể ủy nhiệm cho một thành viên khác trong HĐQT làm chủ toạ.
  - 5.2 Đại hội bất thường do Ban Kiểm Soát đề nghị thì Trưởng ban Kiểm Soát làm Chủ toạ.
  - 5.3 Đại hội bất thường do cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 7, điều 19 của Điều lệ này triệu tập thì phải thoả thuận bằng văn bản cử cổ đông có số vốn cổ phần cao nhất hoặc người có năng lực trong nhóm là Chủ toạ.
6. Đại hội bầu thư ký đại hội và Ban kiểm phiếu.
7. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty và phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của luật Doanh nghiệp, có chữ ký của Chủ toạ, thư ký và hai kiểm phiếu viên, đồng thời phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp. Các trích lục biên bản phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc hai thành viên HĐQT.

8. Đại biểu đương nhiên dự Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường là các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Thư ký HĐQT và Cổ đông đại diện hợp pháp vốn điều lệ theo khoản 6, điều 19 của Điều lệ này.
9. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ theo điều 103 Luật doanh nghiệp.

## **ĐIỀU 27: VIỆC ỦY QUYỀN THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

1. Cổ đông được ủy quyền cho đại diện của mình là cổ đông khác của công ty thay thế tham dự Đại Hội Đồng Cổ Đông, người được ủy quyền được biểu quyết, bầu cử tại Đại Hội Đồng Cổ Đông.
2. Việc ủy quyền phải thực hiện bằng văn bản, người được ủy quyền phải trình cho ban tổ chức Đại hội chậm nhất 03 ngày trước khi khai mạc Đại hội.
3. Trong trường hợp bên ủy quyền là pháp nhân thì văn bản ủy quyền phải được Thủ trưởng hoặc Đại diện theo Pháp luật của pháp nhân đó ký, đóng dấu.
4. Việc ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ chỉ được thực hiện từng lần (*ủy quyền tham dự cuộc họp lần nào chỉ có giá trị trong cuộc họp lần đó*). Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người thứ ba.
5. Người ủy quyền có thể thu hồi sự ủy quyền bằng văn bản gửi HĐQT, 02 ngày trước khi khai mạc cuộc họp.



## **ĐIỀU 28: THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

1. Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua các quyết định (dưới dạng Nghị Quyết) thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết công khai hoặc bỏ phiếu kín tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ:
  - 2.1 Quyết định phải được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận:
    - a) Thông qua định hướng phát triển công ty.
    - b) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và Ban Kiểm Soát.

- c) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm.
- d) Các nội dung khác không thuộc khoản 2.2, điều 27 của Điều lệ công ty.
- e) Phê duyệt Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm Tổng Giám Đốc.

**2.2 Quyết định phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số cổ phần biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận:**

- a) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán.
  - b) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty.
  - c) Đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.
  - d) Tổ chức lại hoặc giải thể công ty.
3. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.

Trong trường hợp này, đề thông qua Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông, HĐQT phải tiến hành các công việc sau:

- Quyết định danh mục các vấn đề cần lấy ý kiến, hình thức và nội dung phiếu lấy ý kiến.
- Nội dung phiếu lấy ý kiến phải có tên, địa chỉ, trụ sở chính của Công ty.
- Mục đích lấy ý kiến, vấn đề cần lấy ý kiến và đầu đề các tài liệu tương ứng được gửi kèm theo; thời hạn cuối cùng phải gửi phiếu lấy ý kiến về Công ty, phương án biểu quyết: “tán thành” hoặc “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến”.
- Gửi phiếu lấy ý kiến kèm theo tài liệu liên quan đến tất cả các cổ đông có quyền dự Đại Hội Đồng Cổ Đông.
- Thực hiện kiểm phiếu và lập biên bản về kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến, thông báo kết quả và các nội dung lấy ý kiến đến tất cả cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.



4. Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông có hiệu lực thi hành đối với tất cả các cổ đông, kể cả cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến.
5. Việc yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định tại Điều 107 Luật Doanh Nghiệp.

## Mục 2

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

#### ĐIỀU 29: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

##### 1. Tổ chức:

Hội đồng quản trị (HĐQT) là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

##### 2. Quyền và nhiệm vụ Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

###### 2.1 Quyết định chiến lược công ty

- Quyết định kế hoạch phát triển trung hạn công ty;
- Quyết định kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;

###### 2.2 Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại

- Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.

###### 2.3 Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của công ty;

###### 2.4 Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 91 của Luật Doanh Nghiệp;

###### 2.5 Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Điều lệ công ty và Luật Doanh Nghiệp

###### 2.6 a) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.





b) Thông qua hợp đồng mua, bán, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 120 của Luật doanh nghiệp.

c) Bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc (trong trường hợp HĐQT cử người là thành viên HĐQT làm TGD)

- Ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Tổng giám đốc (trong trường hợp thuê TGD) và người quản lý quan trọng khác (đối với các phó TGD theo đề nghị của TGD)

- Quyết định mức lương và lợi ích khác của những người quản lý nêu trên.

d) Quyết định một số công việc kinh doanh thuộc thẩm quyền của HĐQT theo đề nghị của TGD.

e) Cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác.

- Quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người quản lý khác trong điều hành



2.7 Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty.

2.8 a) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty.

b) Quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác.

2.9 Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ Đại Hội Đồng Cổ Đông (ĐHĐCĐ).

- Triệu tập họp ĐHĐCĐ, hoặc lấy ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua quyết định;

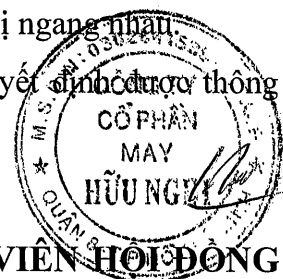
2.10 Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên ĐHĐCĐ.

2.11 Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.

2.12 Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản công ty.

2.13 Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. HĐQT thông qua các quyết định bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc bỏ phiếu kín, hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
4. Hội đồng quản trị Công ty cổ phần may Hữu Nghị có năm (05) thành viên, do Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu và bãi miễn.  
Thành viên của HĐQT được trúng cử với ít nhất 65% tổng số cổ phần biểu quyết, số phiếu tính theo số cổ phần được bầu theo hình thức bỏ phiếu kín và phương thức bầu dồn phiếu.
5. Cuộc họp HĐQT được coi là hợp lệ khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên tham dự. Các thành viên vắng mặt phải có lý do chính đáng, bất khả kháng.
6. HĐQT thông qua các quyết định theo nguyên tắc đa số
  - 6.1 Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết, có giá trị ngang nhau.
  - 6.2 Trong trường hợp số phiếu biểu quyết ngang nhau, quyết định được thông qua thuộc về phía có ý kiến của Chủ Tịch HĐQT.



### **ĐIỀU 30: TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN LÀM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật.
2. Là cổ đông cá nhân sở hữu số cổ phần ít nhất từ 5% vốn điều lệ trở lên.
3. Thành viên của HĐQT có thể kiêm các chức vụ điều hành trực tiếp SXKD của công ty.
4. Có trình độ chuyên môn, có năng lực kinh doanh, có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành Luật pháp.
5. Cơ quan thường trực của HĐQT gồm Chủ Tịch, và một uỷ viên HĐQT có nhiệm vụ giải quyết công việc hàng ngày.

### **ĐIỀU 31: HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT**

1. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu theo nguyên tắc đa số

Trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm

việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Thành viên có số phiếu bầu cao nhất chủ trì cuộc họp đầu tiên.

2. HĐQT có thể họp định kỳ hoặc bất thường. HĐQT có thể họp tại trụ sở chính của công ty hoặc ở nơi khác.

2.1 Cuộc họp định kỳ của HĐQT do Chủ tịch triệu tập bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.

2.2 Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT khi có một trong các trường hợp sau:

- a) Có đề nghị của Ban Kiểm Soát.
- b) Có đề nghị của Tổng Giám Đốc.
- c) Có đề nghị của ít nhất hai thành viên HĐQT.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền HĐQT.

3. Chủ tịch phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được đề nghị quy định tại khoản 2 Điều này, Trường hợp Chủ tịch không triệu tập HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty, người đề nghị có quyền thay thế HĐQT triệu tập họp HĐQT.
4. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất năm ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ từng thành viên HĐQT được đăng ký tại công ty.

5. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên ban kiểm soát và TGD như đối với các thành viên HĐQT.

Thành viên ban kiểm soát, TGD không phải là thành viên HĐQT, có quyền dự các cuộc họp của HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.



6. Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp.
7. Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ Tịch HĐQT chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
8. Quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận, trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của chủ tịch HĐQT.
9. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

### **ĐIỀU 32: TRƯỜNG HỢP MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HĐQT**

Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- Chết, mất trí, mất quyền công dân.
- Tự ý bỏ nhiệm sở.
- Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT theo Điều 110 Luật Doanh nghiệp.
- Vi phạm Điều 115 Luật Doanh Nghiệp.
- Cổ đông pháp nhân mất tư cách pháp nhân.
- Mất tư cách đại diện cho cổ đông pháp nhân.
- Công ty bị giải thể trước thời hạn theo quyết định của Tòa án.



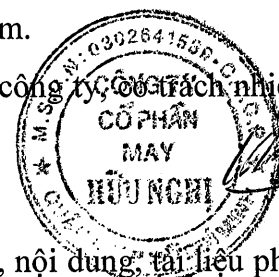
### **ĐIỀU 33: TRƯỜNG HỢP KHUYẾT THÀNH VIÊN HĐQT**

1. Chủ Tịch HĐQT hoặc thành viên HĐQT muốn từ chức hoặc cổ đông pháp nhân muốn thay đổi người đại diện của mình đang giữ chức Chủ Tịch, các thành viên HĐQT của Công ty thì phải có đơn, văn bản gửi đến HĐQT Công ty. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đơn hoặc văn bản. HĐQT sẽ họp để xem xét và quyết định.

2. Trường hợp Chủ tịch HĐQT đương nhiệm bị khuyết thì các thành viên của HĐQT phải cử ngay 1 người trong số họ để đảm nhiệm công việc của Chủ tịch cho đến kỳ Đại hội gần nhất.
3. Trường hợp khuyết quá 1/3 số thành viên HĐQT thì HĐQT phải triệu tập Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường để bầu bổ sung.
4. Các trường hợp khác, việc bầu bổ sung thành viên HĐQT do Đại Hội Đồng Cổ Đông gần nhất quyết định.

### **ĐIỀU 34: CHỦ TỊCH HĐQT- PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN GIỮA CÁC THÀNH VIÊN TRONG HĐQT**

1. Chủ tịch HĐQT do các thành viên HĐQT bầu trong số các thành viên HĐQT theo nguyên tắc đa số.
2. Chủ tịch HĐQT có thể kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc công ty được phê duyệt tại Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên hằng năm.
3. Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo Pháp luật của công ty có trách nhiệm và quyền hạn sau:
  - 3.1 Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT.
  - 3.2 Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ tọa cuộc họp HĐQT.
  - 3.3 Tổ chức việc thông qua quyết định của HĐQT.
  - 3.4 Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT.
  - 3.5 Chủ tọa kỳ họp Đại hội cổ đông.
  - 3.6 Phân công các thành viên HĐQT theo nhiệm vụ của HĐQT đã được xác lập.
  - 3.7 Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty.
5. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên HĐQT như sau:



- a) Nghiên cứu, đánh giá tình hình kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng phát triển, kết quả hoạt động SXKD của Công ty trong từng thời kỳ.
- b) Được quyền yêu cầu các cán bộ chức danh trong Công ty cung cấp đầy đủ mọi tài liệu có liên quan đến hoạt động của Công ty để thực hiện nhiệm vụ của mình.
- c) Tham dự phiên họp của HĐQT, thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung phiên họp, chịu trách nhiệm cá nhân trước Pháp luật, trước Đại Hội Đồng Cổ Đông và trước HĐQT về những hành vi của mình.
- d) Thực hiện Điều lệ công ty, Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông và Nghị quyết của HĐQT có liên quan đến từng thành viên và theo sự phân công phân nhiệm của HĐQT.
- e) Thành viên HĐQT là đại diện quản lý phần vốn Nhà nước tại Công ty, thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Pháp luật.



### **ĐIỀU 35: NHIỆM KỲ CỦA HĐQT**

1. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT là **05 năm**. Các thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.  
Thành viên HĐQT phải thường trú tại Việt Nam
2. Trong nhiệm kỳ, Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể bãi miễn và bầu bổ sung thành viên HĐQT để đảm nhiệm cho hết nhiệm kỳ.
3. HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT mới được bầu và tiếp quản công việc. Thời gian bàn giao không được quá 3 tháng.
4. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT.

### **ĐIỀU 36: QUYỀN LỢI CỦA THÀNH VIÊN HĐQT**

1. Thành viên HĐQT hưởng thù lao và mức thưởng do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định theo đề nghị của Chủ Tịch HĐQT

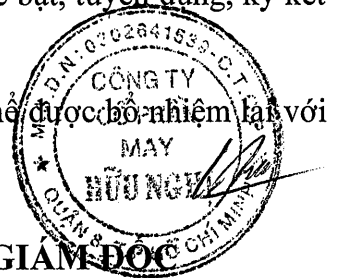
2. Mọi chi phí của HĐQT được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp

### Mục 3

## TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC

### ĐIỀU 37: TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Tổng Giám Đốc là người điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của công ty.
2. Tổng Giám Đốc do HĐQT bổ nhiệm và miễn nhiệm, là cổ đông và có thể là thành viên HĐQT.
3. Tổng Giám Đốc chịu sự giám sát của HĐQT, chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
4. Giúp Tổng Giám Đốc có các Phó Tổng Giám Đốc do HĐQT bổ nhiệm và miễn nhiệm theo đề nghị của Tổng Giám Đốc.
5. Ngoài ra, còn có bộ máy giúp việc do TGD bổ nhiệm, đề bạt, tuyển dụng, ký kết hợp đồng lao động.
6. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 5 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế



### ĐIỀU 38: TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN LÀM TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám Đốc áp dụng theo quy định tại **Điều 57 & 116 Luật doanh nghiệp.**

Trong đó: phải là cá nhân sở hữu ít nhất 10% vốn điều lệ công ty.

Ngoài ra, Tổng Giám Đốc Công ty phải là người có đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

2. Có trình độ quản lý kinh doanh thuộc các ngành kinh tế, kỹ thuật may mặc (*tốt nghiệp Đại học hoặc tương đương trở lên*) có ít nhất 05 năm công tác trong ngành nghề kinh doanh của Công ty, có đủ kiến thức và kinh nghiệm quản lý Công ty, hiểu biết Pháp luật.
3. Lương và tiền thưởng của Tổng giám đốc do HĐQT quyết định.

## **ĐIỀU 39: CHỨC NĂNG VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

1. Điều hành và chịu trách nhiệm về hoạt động SXKD của Công ty theo đúng Nghị quyết, quyết định của HĐQT, Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông, Điều lệ Công ty và tuân thủ Pháp luật.
2. Bảo toàn và phát triển vốn theo phương án SXKD đã được HĐQT phê duyệt và thông qua Đại Hội Đồng Cổ Đông.
3. Xây dựng và trình HĐQT chuẩn y về kế hoạch trung hạn và kế hoạch hàng năm, dự án đầu tư, phương án liên doanh, đề án tổ chức quản lý của Công ty, phương án phối hợp kinh doanh của các đơn vị trực thuộc. Tổ chức thực hiện các phương án đã được phê duyệt.
4. Quyết định giá mua, giá bán nguyên vật liệu, sản phẩm (*trừ những sản phẩm dịch vụ do Nhà nước quy định*).
5. Quyết định các biện pháp tuyên truyền quảng cáo, tiếp thị, ~~các biện pháp khuyến~~ khích mở rộng sản xuất kinh doanh.
6. Ký các hợp đồng kinh tế theo luật định.
7. Báo cáo trước HĐQT tình hình và kết quả hoạt động SXKD của Công ty và báo cáo quyết toán SXKD hàng năm.
8. Đại diện Công ty trong việc khởi kiện các vụ án có liên quan đến quyền lợi của Công ty khi được HĐQT uỷ quyền bằng văn bản.
9. TGD phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày công ty theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ công ty, và quyết định của HĐQT. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì TGD phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.
10. Tổng giám đốc công ty không được đồng thời làm TGD của doanh nghiệp khác



## **ĐIỀU 40: QUYỀN VÀ NHIỆM VỤ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

1. Tổng Giám Đốc có quyền quyết định các vấn đề liên quan đến công việc hàng ngày của công ty mà không cần phải có quyết định của HĐQT
  - 1.1 Tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT.
  - 1.2 Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty.



- 1.3 Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty.
  - 1.4 Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT.
  - 1.5 Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của TGD.
  - 1.6 Tuyển dụng lao động, quy hoạch và đào tạo cán bộ thuộc quyền quản lý.
  - 1.7 Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý thua lỗ trong kinh doanh.
  - 1.8 Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật, điều lệ công ty và quyết định của HĐQT.
2. Có quyền từ chối thực hiện những quyết định của Chủ Tịch, hay các thành viên HĐQT nếu thấy trái Pháp luật, trái Điều lệ và trái Nghị Quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông, đồng thời phải có trách nhiệm thông báo ngay cho Ban Kiểm Soát.
  3. Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền vượt của quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, dịch ho, hoả hoạn, sự cố, các trường hợp quan trọng khác và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời báo cáo ngay cho HĐQT và Ban kiểm soát.



#### **ĐIỀU 41: ỦY QUYỀN VÀ ỦY NHIỆM**

1. Tổng Giám Đốc Công ty có thể ủy nhiệm cho các Phó Tổng Giám Đốc hoặc chức danh điều hành khác thay mặt mình giải quyết một số công việc của Công ty trong phạm vi được ủy quyền và chịu trách nhiệm Pháp lý về sự ủy quyền, ủy nhiệm của mình.
2. Người được Tổng Giám Đốc ủy quyền, ủy nhiệm phải chịu trách nhiệm Pháp lý trước Tổng Giám Đốc và trước Pháp luật về nội dung công việc được ủy quyền.
3. Mọi sự ủy quyền, ủy nhiệm có liên quan tới con dấu của Công ty đều phải thực hiện bằng văn bản, được thông báo đến HĐQT và Ban kiểm soát.

#### **ĐIỀU 42: TỪ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM**

1. Khi Tổng Giám Đốc muốn từ nhiệm phải có đơn gửi HĐQT. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đơn HĐQT họp xem xét và quyết định

2. Tổng Giám Đốc đương nhiên miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
  - Chết, mất trí, mất quyền công dân
  - Tự ý bỏ nhiệm sở quá 7 ngày làm việc
3. Trường hợp Tổng Giám Đốc bị miễn nhiệm, HĐQT phải tạm cử người thay thế và đảm nhiệm công việc của Tổng Giám Đốc. Trong thời hạn tối đa 30 ngày HĐQT phải tiến hành các thủ tục để bổ nhiệm Tổng Giám Đốc mới hoặc ký kết hợp đồng thuê TGD mới.

## Mục 4

### BAN KIỂM SOÁT



#### **ĐIỀU 43: BAN KIỂM SOÁT**

1. Ban kiểm soát là tổ chức thay mặt cổ đông thực hiện giám sát HĐQT, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.
2. Ban kiểm soát có 03 kiểm soát viên trong đó ít nhất có một Kiểm soát viên có trình độ về tài chính kế toán do Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu và bãi miễn với đa số phiếu bằng thẻ thức trực tiếp và bỏ phiếu kín.
3. Trưởng Ban Kiểm Soát do các kiểm soát viên bầu với đa số phiếu bằng thẻ thức trực tiếp, bỏ phiếu kín hoặc biểu quyết.

#### **ĐIỀU 44: TIÊU CHUẨN LỰA CHỌN THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

Được đề cử vào Ban kiểm soát phải là người có các điều kiện sau:

1. Có đủ tiêu chuẩn và điều kiện thuộc Điều 122, luật Doanh Nghiệp, trong đó: không được giữ các chức vụ quản lý quan trọng của công ty (các chức danh trong HĐQT, Tổng Giám Đốc, phó Tổng Giám Đốc, Trưởng phòng tài vụ)

Ngoài ra, thành viên BKS phải đáp ứng các điều kiện sau:

2. Tiêu chuẩn về vốn: theo khoản 5 điều 19 Điều lệ này
3. Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên HĐQT, TGD, phó TGD.

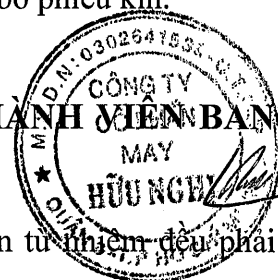
4. Thành viên ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty.
5. Số thành viên Ban kiểm soát là 3 người. Trong Ban Kiểm Soát có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên
6. Trưởng Ban Kiểm Soát phải là người có chuyên môn về kế toán.

#### **ĐIỀU 45: NHIỆM KỲ BAN KIỂM SOÁT**

1. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát cùng nhiệm kỳ với thành viên HĐQT và kéo dài thêm 90 ngày để giải quyết các công việc tồn đọng.
2. Trong nhiệm kỳ nếu khuyết thành viên Ban kiểm soát thì Đại Hội Đồng Cổ Đông gần nhất phải bầu bổ sung theo thể thức bầu trực tiếp, bỏ phiếu kín.

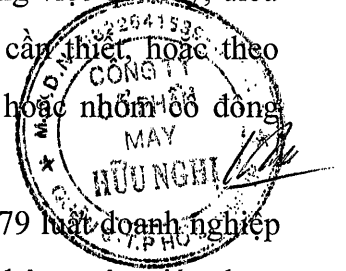
#### **ĐIỀU 46: TỪ CHỨC, TỪ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

1. Trưởng Ban kiểm soát muốn từ chức, kiểm soát viên muốn từ nhiệm đều phải gửi đơn đến HĐQT để trình Đại Hội Đồng Cổ Đông gần nhất.
2. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
  - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 122 của Luật Doanh nghiệp
  - b) Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng
  - c) Có đơn xin từ chức
3. Có quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm của ĐHCĐ.
4. Trường hợp khuyết chức danh Trưởng ban kiểm soát, các kiểm soát viên phải bầu Trưởng ban kiểm soát khác thay thế.
5. Trường hợp khuyết kiểm soát viên có chuyên môn về tài chính kế toán, HĐQT phải tạm cử người thay thế cho đến kỳ triệu tập Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường để bầu bổ sung.



## **ĐIỀU 47: NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA BAN KIỂM SOÁT**

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát HĐQT, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.
2. Ban kiểm soát kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT.
4. Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT lên ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.
5. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty bất kỳ khi nào nếu xét thấy cần thiết, hoặc theo quyết định của ĐHĐCĐ, hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 điều 79 của Luật Doanh Nghiệp.
6. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản 2 điều 79 luật doanh nghiệp không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
7. Kiến nghị các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty trong thẩm quyền của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ.
8. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ.
9. Trưởng ban kiểm soát có trách nhiệm phân công các kiểm soát viên phụ trách từng loại công việc theo yêu cầu cụ thể.
10. Thành viên ban kiểm soát được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại Hội Đại Cổ Đông.
11. Chi phí cho kiểm soát viên được hạch toán vào chi phí quản lý của Công ty.



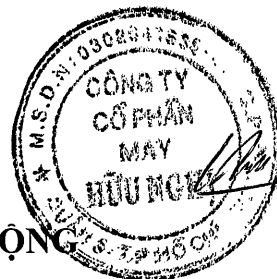
## **ĐIỀU 48: CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN**

1. Công ty cổ phần phải gửi báo cáo tài chính hằng năm đã được ĐHCĐ thông qua đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật có liên quan.
2. Tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hằng năm phải được thông báo đến tất cả cổ đông.
3. Mọi tổ chức, cá nhân đều có quyền xem hoặc sao chép bản báo cáo tài chính hằng năm của công ty tại cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền.

### *Chương V*

## **CÁC CHẾ ĐỘ VỀ LAO ĐỘNG VÀ QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG**

☪ ☪



## **ĐIỀU 49: CHẾ ĐỘ VÀ QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG**

1. Chế độ tuyển dụng lao động và trả lương thực hiện theo chế độ hợp đồng lao động giữa Tổng Giám Đốc (hoặc người được Tổng Giám Đốc uỷ quyền) với người lao động theo Luật lao động và các thoả thuận khác phù hợp với tình hình SXKD thực tế của công ty.

### *Chương VI*

## **HẠCH TOÁN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ LẬP QUỸ**

☪ ☪

## **ĐIỀU 50: HẠCH TOÁN**

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày công ty được chính thức thành lập và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó.

2. Công ty thực hiện việc hạch toán kế toán theo đúng Pháp lệnh kế toán thống kê hiện hành.
3. TGD phải gửi các bản báo cáo dưới đây đến các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát trong thời hạn 60 ngày chưa kiểm toán, chậm nhất 90 ngày sau kiểm toán kể từ ngày kết thúc năm tài chính:
  - a) Bảng cân đối kế toán của Công ty.
  - b) Báo cáo kết quả hoạt động SXKD của toàn Công ty.
  - c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
  - d) Thuyết minh báo cáo tài chính.
4. Cuối mỗi niên khoá HĐQT xem xét thông qua quyết toán để trình Đại Hội Đồng Cổ Đông .
5. Sau Đại hội, các văn bản, biên bản Đại Hội Đồng Cổ Đông và tất cả chứng từ liên quan phải được lưu giữ tại văn phòng Công ty theo Luật định.

#### **ĐIỀU 51: LỢI NHUẬN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ TRÍCH LẬP QUỸ**

1. Theo các quy định về chế độ tài chính do Nhà nước ban hành với các Công ty cổ phần. Lợi nhuận của Công ty gồm:
  - ❖ Lợi nhuận chung = Tổng thu nhập – Tổng chi phí
  - ❖ Lợi nhuận ròng = Lợi nhuận chung – Thuế
2. Phân phối lợi nhuận:
  - 2.1 Sau khi công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, lợi nhuận còn lại được trích để trả cổ tức cho cổ đông.
    - Mức trả cổ tức theo quyết định của ĐHĐCĐ thường niên.
    - Căn cứ tình hình hoạt động SXKD thực tế, HĐQT có thể tạm ứng cổ tức cho các cổ đông theo từng thời hạn 06 tháng.
  - 2.2 Lợi nhuận còn lại được trích lập các quỹ sau:
    - a) Quỹ dự trữ bắt buộc: từ 5% - 10% lợi nhuận ròng. Mục đích để dự trữ tài chính cho năm sau, bù đắp những tổn thất, rủi ro hoặc thua lỗ trong quá trình hoạt động SXKD.

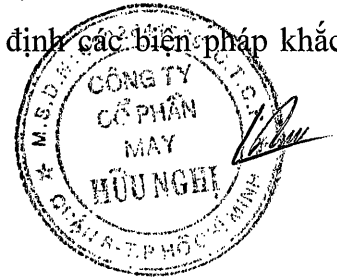


- b) Quỹ đầu tư phát triển: từ 5% - 10% lợi nhuận ròng, sử dụng chủ yếu trong việc đầu tư nâng cấp máy móc thiết bị, nhà xưởng.
  - c) Số còn lại được sử dụng để trích lập quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi và các quỹ khác (nếu có).
3. Các quỹ không hình thành từ lợi nhuận, mức trích hàng năm do HĐQT quyết định căn cứ theo khả năng tài chính của Công ty và các quy định của Nhà nước.
4. HĐQT có trách nhiệm xây dựng quy chế phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ để trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua cho từng năm.

### **ĐIỀU 54: XỬ LÝ KINH DOANH THUA LỖ**

Trường hợp kinh doanh thua lỗ, Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể quyết định giải quyết kịp thời theo các giải pháp:

- a) Trích từ quỹ dự trữ để bù lỗ.
- b) Chuyển một phần lỗ sang năm sau, thời hạn chuyển lỗ tối đa là 03 năm đồng thời, Đại Hội Đồng Cổ Đông phải quyết định các biện pháp khắc phục.



### **CHƯƠNG VII**

### **GIẢI THỂ - THANH LÝ - THANH TỤNG**

☪ ☪

### **ĐIỀU 53: GIẢI THỂ VÀ THANH LÝ CÔNG TY**

1. Giải thể: Công ty bị giải thể trong các trường hợp sau:
- a) Trường hợp công ty bị lỗ đến  $\frac{3}{4}$  vốn điều lệ, mọi cổ đông có quyền yêu cầu HĐQT triệu tập Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường để xem xét, giải quyết việc giải thể.
  - b) Có quyết định giải thể của Đại Hội Đồng Cổ Đông
  - c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

d) Doanh nghiệp chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

## 2. Thanh lý công ty

2.1 Kể từ ngày thông qua quyết định giải thể, công ty ngưng mọi hoạt động kinh doanh. Ban thanh lý thay thế HĐQT để cùng Ban kiểm soát làm nhiệm vụ thanh lý Công ty, thực hiện phương án giải thể theo thời gian quy định và theo thể lệ tài chính hiện hành.

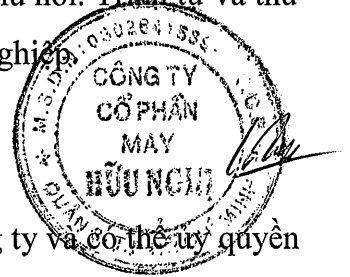
2.2 Trong thời gian thanh lý, khi xét thấy cần thiết, Ban thanh lý hoặc Ban Kiểm soát có quyền triệu tập Đại Hội Đồng Cổ Đông để quyết định về những vấn đề liên quan.

2.3 Ban thanh lý phải thực hiện hoàn tất phương án giải thể, thanh lý tài sản Công ty chậm nhất 5 tháng sau khi được thành lập.

2.4 Trường hợp Công ty bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty phải giải thể trong vòng 6 tháng kể từ ngày GPKD bị thu hồi. Trình tự và thủ tục giải thể được thực hiện theo Điều 158 Luật doanh nghiệp.

## ĐIỀU 54: TỔ TỤNG – TRANH CHẤP

1. Chủ Tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật của công ty và có thể ủy quyền cho Tổng Giám Đốc trong mọi giai đoạn tranh tụng pháp lý.
2. Công ty có quyền bình đẳng trước Pháp luật với mọi pháp nhân, thể nhân khi có tố tụng, tranh chấp.
3. Trong thời gian hoạt động bình thường cũng như trong thời gian thanh lý, mọi quyết định xử lý các tranh tụng liên quan đến Công ty đều thuộc thẩm quyền của các cơ quan chức năng Nhà nước theo quy định hiện hành.





## **CHƯƠNG VIII**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH VÀ CÁC QUY ĐỊNH KHÁC**

∞ ∞

#### **ĐIỀU 55: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Công ty chính thức thành lập khi Đại Hội Đồng Cổ Đông thành lập đã làm đủ các thủ tục sau đây:

- a) Xác nhận danh sách cổ đông đã đăng ký mua hết cổ phiếu phát hành và cam kết đóng đủ tiền theo quy định của Nhà Nước hoặc Công ty Tài Chính bảo lãnh bán hết số cổ phần còn lại.
- b) Đã bầu HĐQT, Ban kiểm soát và cử Tổng Giám Đốc.
- c) Đại Hội Đồng Cổ Đông đã thảo luận và chấp nhận toàn bộ các điều khoản trong bản Điều lệ.
- d) Đã giao quyền quản trị Công ty cho HĐQT.
- e) Hoàn tất các thủ tục với cơ quan Nhà nước theo Luật pháp hiện hành.

#### **ĐIỀU 56: CON DẤU**

- a) Con dấu của Công ty được khắc theo mẫu quy định thống nhất của Bộ Công An, trước khi sử dụng được đăng ký tại cơ quan Công An có thẩm quyền, Sở kế hoạch đầu tư và Ngân hàng.
- b) HĐQT giao Tổng Giám Đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của Pháp luật hiện hành và quy định của công ty.



#### **ĐIỀU 57: ĐĂNG KÝ ĐIỀU LỆ**

- Bản Điều lệ sửa đổi này gồm có **08 chương, 57 điều**, được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua theo nguyên tắc đọc từng điều, thông qua từng chương và được chấp thuận toàn bộ vào ngày **27 tháng 04 năm 2014**.
- Điều lệ được lập thành 10 bản gốc có giá trị như nhau, trong đó:
  - o 01 bản đăng ký tại cơ quan cấp giấy phép đăng ký kinh doanh.
  - o 01 bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước TP.Hồ Chí Minh.

- 01 bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước TP.Hồ Chí Minh.
- 04 bản đăng ký tại Cơ quan chính quyền theo quy định của UBND Thành phố.
- 04 bản lưu trữ tại văn phòng Công ty.
- Các bản sao hay trích lục phải có chữ ký của Chủ Tịch HĐQT mới có giá trị.

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 04 năm 2014

**CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÙNG KÝ TÊN**



**Họ tên**

**Chữ ký**

1. Ông Hà Văn Duyệt

Chủ tịch HĐQT

2. Ông Ưông Tiến Thịnh

Ủy viên HĐQT  
(Đại diện quản lý vốn nhà nước)

3. Ông Kiều Ngọc Mạnh Hùng

Ủy viên HĐQT

4. Ông Phan Thanh Sơn

Ủy viên HĐQT  
(Đại diện quản lý vốn nhà nước)

5. Ông Hà Văn Long

Ủy viên HĐQT

